TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 3004/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 07 - 2026
V/v tranh chấp: ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Kha
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Ngọc Lâm
2. Bà Trần Thị Ngọc Lước

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Trương Thị Thương – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5 - thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 07 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1518/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 03 năm 2026 về tranh chấp "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 860/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 06 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ân Cao Trọng T sinh năm: 1995
Căn cước công dân số: 079095xxxxxx
Địa chỉ: 65 đường T, phường C, thành phố Hồ Chí Minh**.**
2. Bị đơn: Bà Nguyen J V (J V Nguyen) sinh năm: 1998
Hộ chiếu số: AL78xxxx
Địa chỉ: 7656 9c A M, Q, H2A 3C3, Canada.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

Ông Ân Cao Trọng T và bà Nguyen J V (J V Nguyen) chung sống tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 68 ngày 20 tháng 07 năm 2016. Quá trình chung sống, thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Đến năm 2020 đôi bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hòa hợp được với nhau, thường xuyên gây cãi với nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong lối sống và cách sống. Mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn được hai bên đã sống ly thân từ đầu năm 2025.

Nhận thấy tình cảm không còn nên ông Ân Cao Trọng T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyen J V để các bên ổn định cuộc sống riêng của mỗi người. Về con chung: không có. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn là bà Nguyen J V có Bản tự khai ngày 13/01/2026 trình bày ý kiến với nội dung: ‘‘bà Nguyen J V và ông Ân Cao Trọng T kết hôn trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 20 tháng 07 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn, bà V đi về thường xuyên giữa Canada và Việt Nam để gặp mặt chồng và sống hạnh phúc cho đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Năm 2020 vợ chồng bà thường xuyên cãi nhau và bất đồng quan điểm cũng như cách xa về địa lý khiến áp lực tài chính của vợ chồng trở nên căng thẳng, tình cảm vợ chồng đi xuống. Dù cả hai vợ chông bà đã ngồi lại giải quyết nhưng vẫn không thể hòa thuận được. Bà Nguyen J V yêu cầu tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Ân Cao Trọng T. Về con chung: vợ chồng bà không có con chung. Về tài sản chung và nợ chung: vợ chồng bà không có tài sản chung, không có nợ chung’’.

Ngày 25/06/2026, ông Ân Cao Trọng T có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến yêu cầu như trình bày nêu trên, ngoài ra không có ý kiến yêu cầu gì khác.

Ngày 13/01/2026, bà Nguyen J V có Đơn xin xét xử vắng mặt và Bản tự khai (chứng thực ngày 15/01/2026 của Đại sứ quán Việt Nam tại Canada), đề nghị Tòa án giải quyết cho hai bên ly hôn theo quy định của pháp luật, ngoài ra không có ý kiến yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến (theo Phát biểu số 614 ngày 23/07/2026):

- về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và trong việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: các đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự..

- về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:***

Tranh chấp giữa các bên trong vụ án là tranh chấp về ly hôn, nguyên đơn Ân Cao Trọng T cư trú tại phường Cầu Kiệu thành phố Hồ Chí Minh và bị đơn Nguyen J V cư trú tại 7656 9c Avennue Montréal, Québec, H2A 3C3, Canada nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung 2025.

[2] Về thủ tục:

Nguyên đơn Ân Cao Trọng T và bị đơn Nguyen J V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xét thấy Đơn đề nghị xét xử vắng mặt khi Tòa án mở phiên tòa của ông Ân Cao Trọng T và bà Nguyen J V là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn và tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: ông Ân Cao Trọng T và bà Nguyen J V tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 68 ngày 20 tháng 07 năm 2016, nên quan hệ giữa ông Ân Cao Trọng T và bà Nguyen J V là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì trong quá trình chung sống ông Ân Cao Trọng T và bà Nguyen J V phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hòa hợp được với nhau, thường xuyên gây cãi với nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về lối sống và cách sống. Mâu thuẫn kéo dài, hai bên không thể hàn gắn được nên đã sống ly thân từ đầu năm 2025 đến nay. Đồng thời, bị đơn bà Nguyen J V có Bản tự khai ngày 13/06/2026 xác định trong quá trình chung sống bà Nguyen J V và ông Ân Cao Trọng T phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hòa hợp được với nhau, thường xuyên cãi nhau, dù hai bên đã ngồi lại giải quyết nhưng không thể hòa thuận được và bị đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho hai bên ly hôn.

Xét thấy quan hệ hôn nhận hạnh phúc bền vững phải dựa trên cơ sở tình cảm tự nguyện, thiện chí của vợ chồng cùng nhau xây dựng gia đình. Nhưng tình trạng hôn nhân giữa ông Ân Cao Trọng T và bà Nguyen J V đã trở nên trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Ân Cao Trọng T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự xác định không yêu cầu tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn Ân Cao Trọng T phải chịu tiền án phí ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung 2025;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ông Ân Cao Trọng T.

- Về hôn nhân: Ông Ân Cao Trọng T được ly hôn với bà Nguyen J V (J V Nguyen).

- Về con chung: không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết, nên tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Ân Cao Trọng T phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) ông T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014955 ngày

10/03/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh (Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 - thành phố Hồ Chí Minh), ông T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực 5-TP.HCM;
- Phòng THADS khu vực 5-TP.HCM;
- UBND TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

Trần Tuấn Kha